

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VĨNG TÀU

MST: 3 5 0 0 8 3 3 6 7 9

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
FAC AUDITING CO., LTD

Website : www.kiemtoan.net.vn

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. THÔNG TIN CHUNG	1 - 2
2. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 3
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
4.4 Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 30

VIỆT
KIỂM
CH
ĐẾ
/T.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thùy Vân, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu ("Công ty") được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp	Vốn điều lệ (VND)
Đăng ký lần đầu	4903000487	31/12/2007	52.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ nhất	3500833679	01/04/2010	52.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ hai	3500833679	25/04/2011	52.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ ba	3500833679	03/04/2012	82.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ tư	3500833679	19/07/2017	82.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ năm	3500833679	07/06/2018	82.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ sáu	3500833679	03/12/2018	82.400.000.000

Danh sách cổ đông	Số cổ phần	Giá trị vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc Tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đại diện: ông Nguyễn Tuấn Anh)	3.409.963	34.099.630.000	41,38
Ông Lữ Quốc Khánh	2.059.000	20.590.000.000	24,99
Ông Nguyễn Thanh Giao	1.573.594	15.735.940.000	19,10
Các cổ đông khác	1.197.443	11.974.430.000	14,53
Cộng	8.240.000	82.400.000.000	100,00

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí, hướng dẫn tham quan, phiên dịch, cung ứng phương tiện đi lại cho khách du lịch; Kinh doanh thuốc lá điều sản xuất trong nước, vận tải hành khách đường bộ, dịch vụ xông hơi và xoa bóp (massage), phòng hát Karaoke, dịch vụ bãi biển và dịch vụ phụ trợ xung quanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ điều lướt ván, giữ xe, bán hải sản tươi sống, hải sản đã qua chế biến, nước giải khát, mua bán rượu, bia, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng hóa phục vụ du lịch, khách sạn; Dịch vụ về xuất nhập cảnh, mua vé máy bay.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : 01A, Thùy Vân, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại : (0254) 3 585 326
Fax : (0254) 3 585 327
Mã số thuế : 3 5 0 0 8 3 3 6 7 9

305
C
T
I
N
N
E
B
A
F

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thông tin chung (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm	Ghi chú
Hội đồng quản trị:				
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch	30/05/2018		Bổ nhiệm mới
Ông Nguyễn Tôn Hoàng	Chủ tịch	06/2013		Từ trần (13/04/2018)
Ông Nguyễn Minh Khang	Thành viên	06/2013	30/05/18	
Ông Nguyễn Thanh Giao	Thành viên	30/05/2018		Bổ nhiệm mới
Ông Bùi Văn Vượng	Thành viên	30/05/2018		Tái nhiệm
Ông Nguyễn Tôn Nhơn	Thành viên	30/05/2018		Bổ nhiệm mới
Ông Nguyễn Văn Hăng	Thành viên	30/05/2018		Bổ nhiệm mới
Ban Kiểm soát:				
Bà Đỗ Tú Oanh	Trưởng ban	30/05/2018		Tái nhiệm
Ông Nguyễn Mai Hoàng	Thành viên	06/2013	30/05/18	
Bà Dương Ngọc Hạnh	Thành viên	30/05/2018		Tái nhiệm
Bà Lê Mai Phương	Thành viên	30/05/2018		Bổ nhiệm mới
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:				
Ông Nguyễn Tôn Nhơn	Giám đốc	01/07/2018		Tái nhiệm
Bà Ngô Thị Bích Hường	Phó Giám đốc	01/07/2018		Tái nhiệm
Bà Lê Thị Hồng Nga	Kế toán trưởng	31/05/2018		Tái nhiệm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC - Chi nhánh Đệ Nhất là công ty kiểm toán cho Công ty.

132
131
147
147
147
147
147

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thùy Vân, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 03 năm 2019

THÀNH
HÀNH
HÀNH
HÀNH
HÀNH

Số: 07 /2019/BCTC-FAC.VT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15 tháng 03 năm 2019, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Thực hiện Quyết định thanh tra số 95/QĐ-TTr ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Chánh Thanh tra Tỉnh về việc thanh tra việc quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở hạ tầng và chấp hành quy hoạch xây dựng tại Bãi tắm Thùy Vân, thành phố Vũng Tàu, ngày 17 tháng 9 năm 2018, Thanh tra Tỉnh ban hành Kết luận thanh tra số 261/KL-TTr về việc thanh tra việc quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở hạ tầng và chấp hành quy hoạch xây dựng tại Bãi tắm Thùy Vân, thành phố Vũng Tàu. Theo đó, số tiền thuê đất của các doanh nghiệp (trong đó có Công ty) sử dụng đất tại bãi tắm Thùy Vân còn phải nộp tính đến ngày 31/12/2017 là 326.224.854.705 VND và khoản tiền ngân sách Tỉnh đã đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật mà các doanh nghiệp đang sử dụng (trong đó có Công ty) là 19.135.238.054 VND.

Căn cứ Kết luận thanh tra trên đây, ngày 05 tháng 10 năm 2018, Thanh tra Tỉnh đã ban hành Quyết định số 175/QĐ-TTr và Quyết định số 180/QĐ-TTr về việc thu hồi tiền nộp vào ngân sách nhà nước, theo đó Công ty bị thu hồi tiền thuê đất còn phải nộp từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2017 là 34.490.774.319 VND và thu hồi tiền thuê các hạng mục hạ tầng kỹ thuật tại Bãi tắm Thùy Vân do ngân sách Tỉnh đầu tư mà Công ty đang sử dụng là 3.979.010.000 VND.

Công ty không đồng ý với việc thu hồi tiền thuê đất và tiền thuê các hạng mục hạ tầng kỹ thuật tại Bãi tắm Thùy Vân do ngân sách Tỉnh đầu tư mà Công ty đang sử dụng và đang trong quá trình kiến nghị, làm việc với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xem xét lại việc thu hồi hai khoản tiền này. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được các Văn bản phản hồi của Cơ quan có thẩm quyền liên quan của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo đó, chúng tôi không xác định được liệu số tiền thuê đất, tiền thuê các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trên đây có được xác định lại hay không. Như được trình bày tại Thuyết minh số 15, hiện tại Công ty vẫn chưa được Cơ quan có thẩm quyền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký hợp đồng cho thuê hạ tầng và (hoặc) cho thuê đất tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân nên chúng tôi không có cơ sở để xác định được chi phí đã bị ghi nhận thiếu của các năm từ năm 2006 đến năm 2017 theo kết luận của Thanh tra Tỉnh cũng như của năm 2018.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
CHI NHÁNH ĐỆ NHẤT**



Lê Minh Lưu

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0702-2018-099-1

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thịnh

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0473-2018-099-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.691.753.857	30.441.854.512
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.609.072.067	4.239.322.653
1. Tiền	111		3.609.072.067	4.239.322.653
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		31.377.520.835	21.750.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	31.377.520.835	21.750.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.228.144.669	3.863.930.875
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	6	780.812.389	511.995.116
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	226.309.790	351.928.807
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.221.022.490	3.000.006.952
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		269.895.415	186.037.662
1. Hàng tồn kho	141	9	269.895.415	186.037.662
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		207.120.871	402.563.322
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	169.139.186	381.403.065
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		37.981.685	21.160.257
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

11/01/2019
CH
ĐI
/S

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70.830.090.636	71.705.915.635
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	8	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		68.322.756.097	67.697.670.017
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	68.288.690.319	67.655.284.239
Nguyên giá	222		104.960.691.817	101.419.862.630
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.672.001.498)	(33.764.578.391)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	34.065.778	42.385.778
Nguyên giá	228		83.200.000	83.200.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.134.222)	(40.814.222)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.507.334.539	4.008.245.618
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.507.334.539	4.008.245.618
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		108.521.844.493	102.147.770.147

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Mẫu số B01-DN

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94.690.792.067	91.625.204.370
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	94.690.792.067	91.625.204.370
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.400.000.000	82.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.400.000.000	82.400.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.281.204.370	1.172.310.177
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.009.587.697	8.052.894.193
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.009.587.697	8.052.894.193
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		108.521.844.493	102.147.770.147

HÀNG TRƯỞNG

(Handwritten signatures in blue ink)



Lê Thị Hồng Nga
Kế toán trưởng
(Người lập)

Ngô Thị Bích Hương
Phó Giám đốc

Nguyễn Tuấn Anh
Chủ tịch Hội đồng quản trị


Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 03 năm 2019


BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21.1	61.112.964.938	61.965.050.080
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21.1	61.112.964.938	61.965.050.080
4. Giá vốn hàng bán	11	22	40.161.771.159	39.921.836.560
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.951.193.779	22.043.213.520
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21.2	1.772.068.945	1.340.399.276
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	11.562.528.383	12.277.282.667
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.160.734.341	11.106.330.129
11. Thu nhập khác	31	24	178.720.502	101.512.840
12. Chi phí khác	32	24	14.500	100.000
13. Lợi nhuận khác	40		178.706.002	101.412.840
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.339.440.343	11.207.742.969
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	2.329.852.646	2.304.848.776
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.009.587.697	8.902.894.193
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		972	977


Lê Thị Hồng Nga
Kế toán trưởng
(Người lập)


Ngô Thị Bích Hương
Phó Giám đốc


Nguyễn Tuấn Anh
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.339.440.343	11.207.742.969
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	11;12	4.135.984.343	4.128.551.465
- Các khoản dự phòng	03	18	1.472.776.789	1.100.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.906.614.400)	(1.340.399.276)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.041.587.075	15.095.895.158
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.940.441.953	(2.155.461.289)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(83.857.753)	54.446.106
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.013.989.340	358.911.049
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.713.174.958	(9.266.123)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.404.848.776)	(2.135.414.624)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(513.905.730)	(725.957.593)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.706.581.067	10.483.152.684
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.348.119.403)	(2.634.329.100)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		134.545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.627.520.835)	(4.627.666.667)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.450.591.770	623.178.446
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.390.503.013)	(6.638.817.321)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.946.328.640)	(5.734.352.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.946.328.640)	(5.734.352.140)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(630.250.586)	(1.890.016.777)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	4.239.322.653	6.129.339.430
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	3.609.072.067	4.239.322.653


 Lê Thị Hồng Nga
 Kế toán trưởng
 (Người lập)


 Ngô Thị Bích Hương
 Phó Giám đốc


 Nguyễn Tuấn Anh
 Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 03 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh : Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch.

Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu ("Công ty") được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp	Vốn điều lệ (VND)
Đăng ký lần đầu	4903000487	31/12/2007	52.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ nhất	3500833679	01/04/2010	52.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ hai	3500833679	25/04/2011	52.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ ba	3500833679	03/04/2012	82.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ tư	3500833679	19/07/2017	82.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ năm	3500833679	07/06/2018	82.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ sáu	3500833679	03/12/2018	82.400.000.000

Danh sách cổ đông	Số cổ phần	Giá trị vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đại diện: ông Nguyễn Tuấn Anh)	3.409.963	34.099.630.000	41,38
Ông Lữ Quốc Khánh	2.059.000	20.590.000.000	24,99
Ông Nguyễn Thanh Giao	1.573.594	15.735.940.000	19,10
Các cổ đông khác	1.197.443	11.974.430.000	14,53
Cộng	8.240.000	82.400.000.000	100,00

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí, hướng dẫn tham quan, phiên dịch, cung ứng phương tiện đi lại cho khách du lịch; Kinh doanh thuốc lá điếu sản xuất trong nước, vận tải hành khách đường bộ, dịch vụ xông hơi và xoa bóp (massage), phòng hát Karaoke, dịch vụ bãi biển và dịch vụ phụ trợ xung quanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ điều lướt ván, giữ xe, bán hải sản tươi sống, hải sản đã qua chế biến, nước giải khát, mua bán rượu, bia, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng hóa phục vụ du lịch, khách sạn; Dịch vụ về xuất nhập cảnh, mua vé máy bay.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số: 01A, Thùy Vân, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 127 người, ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 122 người.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-45 năm
- Máy móc, thiết bị	07-12 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-10 năm
- Phần mềm quản lý khách sạn	10 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty được trình bày tại thuyết minh số 15 và 18.

3.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chi cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam:

- Quỹ Khác thuộc vốn chủ sở hữu
Quỹ này được trích lập nhằm dự phòng rủi ro tài chính.
- Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

3.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán, cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

3.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành áp dụng cho Công ty như sau: Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	1.135.460.381	549.612.672
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.473.611.686	3.689.709.981
TỔNG CỘNG	3.609.072.067	4.239.322.653

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	31.377.520.835	-	21.750.000.000	-
TỔNG CỘNG	31.377.520.835	-	21.750.000.000	-

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Ngắn hạn</u>		
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	780.812.389	511.995.116
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Chu Du Hai Bốn	309.950.000	255.630.000
- Công ty TNHH Vstarschool	110.410.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Chấn Thanh	-	124.630.000
- Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ lữ hành SaigonTourist	74.852.000	27.200.000
- Phải thu các khách hàng khác	285.600.389	104.535.116
TỔNG CỘNG	780.812.389	511.995.116
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Dài hạn</u>	-	-
TỔNG CỘNG	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Ngắn hạn</u>		
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	226.309.790	351.928.807
- Nhà may Tống Bình	133.945.000	117.335.000
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Phòng cháy chữa cháy Minh Hoàng	-	126.949.347
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ P.supply	-	107.644.460
- Trung tâm Khoa học kỹ thuật & Môi trường	58.800.000	-
- Phải thu các khách hàng khác	33.564.790	-
TỔNG CỘNG	226.309.790	351.928.807
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Dài hạn</u>	-	-
TỔNG CỘNG	-	-

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Ngắn hạn</u>		
Phải thu các bên liên quan	-	1.900.000.000
Phải thu về tiền hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	1.900.000.000
Phải thu khác	1.221.022.490	1.100.006.952
- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.194.446.611	872.969.436
- Tạm ứng chi phí cho nhân viên	4.000.000	204.000.000
- Phải thu ngắn hạn khác	22.575.879	23.037.516
TỔNG CỘNG	1.221.022.490	3.000.006.952
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Dài hạn</u>	-	-
TỔNG CỘNG	-	-

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	95.199.789	-	75.423.799	-
Hàng hóa tồn kho	174.695.626	-	110.613.863	-
Cộng	269.895.415	-	186.037.662	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Ngắn hạn</u>		
- Phân bổ công cụ, dụng cụ	75.771.112	88.590.204
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	93.368.074	75.610.373
- Chi phí phục vụ kinh doanh khác	-	217.202.488
TỔNG CỘNG	<u>169.139.186</u>	<u>381.403.065</u>
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Dài hạn</u>		
- Phân bổ công cụ, dụng cụ	1.375.285.803	2.527.683.512
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	1.132.048.736	1.480.562.106
TỔNG CỘNG	<u>2.507.334.539</u>	<u>4.008.245.618</u>

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, đồ dùng quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	85.334.523.077	14.193.716.098	1.606.043.455	285.580.000	101.419.862.630
Mua trong năm	-	807.342.744	750.209.091	-	1.557.551.835
Đầu tư hoàn thành	3.203.518.588	-	-	-	3.203.518.588
Thanh lý	-	-	(569.178.000)	-	(569.178.000)
Giảm khác (hỏng)	(428.135.736)	(222.927.500)	-	-	(651.063.236)
Số cuối năm	<u>88.109.905.929</u>	<u>14.778.131.342</u>	<u>1.787.074.546</u>	<u>285.580.000</u>	<u>104.960.691.817</u>
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.664.639.588	6.332.783.810	-	99.580.000	10.097.003.398
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	22.284.279.072	10.338.156.998	910.479.543	231.662.778	33.764.578.391
Trích khấu hao	2.861.885.154	1.004.529.342	227.849.847	33.400.000	4.127.664.343
Thanh lý	-	-	(569.178.000)	-	(569.178.000)
Giảm khác (hỏng)	(428.135.736)	(222.927.500)	-	-	(651.063.236)
Số cuối năm	<u>24.718.028.490</u>	<u>11.119.758.840</u>	<u>569.151.390</u>	<u>265.062.778</u>	<u>36.672.001.498</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	63.050.244.005	3.855.559.100	695.563.912	53.917.222	67.655.284.239
Số cuối năm	<u>63.391.877.439</u>	<u>3.658.372.502</u>	<u>1.217.923.156</u>	<u>20.517.222</u>	<u>68.288.690.319</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Nguyên giá	-			-
Phần mềm máy tính	83.200.000	-	-	83.200.000
CỘNG	83.200.000	-	-	83.200.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Phần mềm máy tính	40.814.222	8.320.000	-	49.134.222
CỘNG	40.814.222	8.320.000	-	49.134.222
Giá trị còn lại	-			-
Phần mềm máy tính	42.385.778			34.065.778
CỘNG	42.385.778			34.065.778

Tài sản cố định vô hình là phần mềm phục vụ cho công tác quản lý khách sạn.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
<u>Ngắn hạn</u>				
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả người bán khác	2.706.865.882	2.706.865.882	1.591.116.944	1.591.116.944
- Hộ kinh doanh Bun Ta	679.606.100	679.606.100	514.422.900	514.422.900
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Phong	559.055.000	559.055.000	219.057.375	219.057.375
- Ông Đinh Duy Năng	373.696.000	373.696.000	362.271.500	362.271.500
- Phải trả người bán khác	1.094.508.782	1.094.508.782	495.365.169	495.365.169
TỔNG CỘNG	2.706.865.882	2.706.865.882	1.591.116.944	1.591.116.944
<u>Dài hạn</u>	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	-	-	-	-

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<u>Ngắn hạn</u>		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	376.301.822	233.236.322
- Khách đi lẻ du lịch	254.612.644	101.505.144
- Các công ty tổ chức du lịch	121.689.178	131.731.178
TỔNG CỘNG	376.301.822	233.236.322

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người mua trả tiền trước (tiếp theo)	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dài hạn	-	-
TỔNG CỘNG	-	-

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế GTGT được khấu trừ	214.682.647	261.746.477
Thuế thu nhập doanh nghiệp	429.852.646	504.848.776
TỔNG CỘNG	644.535.293	766.595.253

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong kỳ như sau :

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế GTGT được khấu trừ	261.746.477	4.468.457.837	4.515.521.667	214.682.647
Thuế thu nhập doanh nghiệp	504.848.776	2.329.852.646	2.404.848.776	429.852.646
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(21.160.257)	234.366.503	251.187.931	(37.981.685)
Thuế nhà đất	-	73.987.185	73.987.185	-
Tiền thuê đất	-	4.491.651.832	4.491.651.832	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản khác	-	3.000.000	3.000.000	-
TỔNG CỘNG	745.434.996	11.601.316.003	11.740.197.391	606.553.608

(*) Trong đó: Số nộp thừa được trình bày tại chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước (mã số 153).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số 3.15 và thuyết minh số 26.

Tiền thuê đất

Ngày 04 tháng 2 năm 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ra quyết định số 1811/QĐ-UBND: "VV thu hồi Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu", lý do thu hồi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có chủ trương khu vực bãi tắm Thùy Vân, Bãi Sau thành phố Vũng Tàu cho thuê hạ tầng, không giao hoặc cho bất cứ đơn vị nào thuê đất. Ngày 09 tháng 10 năm 2012, Công ty đã nộp lại quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 15/09/2009, hợp đồng thuê đất số 54/HĐTD ngày 30/09/2009, tờ trích đo bản đồ địa chính khu đất, tỷ lệ 1/500 số T27-VT-09/BĐ-ĐC cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa được Cơ quan có thẩm quyền tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu ký hợp đồng cho thuê hạ tầng hoặc cho thuê đất tại khu vực Bãi Thùy Vân.

Trong năm, Công ty nhận thông báo tạm nộp tiền thuê đất từ Chi cục thuế Tp. Vũng Tàu số 3305/TB-CCT ngày 27/04/2018 với số tiền 2.795.825.916 VND và số 8927/150/TB-CCT ngày 26/09/2018 với số tiền 3.168.602.705 VND. Hiện tại, do chưa thống nhất được giá thuê với Cơ quan có thẩm quyền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Công ty chỉ tạm nộp khoản tiền thuê đất tạm tính là 4.491.651.832 VND. Số tiền còn lại 1.472.776.789 VND được Công ty ghi nhận là khoản chi phí dự phòng (thuyết minh số 18).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VĨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền lương phải trả	1.973.502.510	1.733.534.518
Các khoản khác	73.824.000	71.160.000
Cộng	2.047.326.510	1.804.694.518

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<u>Ngắn hạn</u>		
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả khác	286.478.408	316.249.288
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông (chưa lưu ký chứng khoán)	237.203.848	239.532.488
- Nhận ký quỹ, ký cược	25.000.000	25.000.000
- Bảo hiểm xã hội	2.674.560	516.800
- Phải trả ngắn hạn khác	21.600.000	51.200.000
TỔNG CỘNG	286.478.408	316.249.288
<u>Dài hạn</u>		
Nhận ký quỹ, ký cược	260.000.000	260.000.000
TỔNG CỘNG	260.000.000	260.000.000

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng do trích lập trong năm</i>	<i>Số hoàn nhập trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<u>Ngắn hạn</u>				
Dự phòng tiền thuê đất còn phải trả cho năm 2016	4.325.225.922	-	-	4.325.225.922
Dự phòng tiền thuê đất còn phải trả cho năm 2017	1.100.000.000	-	-	1.100.000.000
Dự phòng tiền thuê đất còn phải trả cho năm 2018	-	1.472.776.789	-	1.472.776.789
TỔNG CỘNG	5.425.225.922	1.472.776.789	-	6.898.002.711
<u>Dài hạn</u>				
TỔNG CỘNG	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	125.447.530	1.405.123
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.000.000.000	850.000.000
Chi quỹ	(513.905.730)	(725.957.593)
Số dư tại ngày 31/12	611.541.800	125.447.530

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	82.400.000.000	-	6.940.310.177	89.340.310.177
Lãi trong năm trước	-	-	8.902.894.193	8.902.894.193
Trích quỹ dự phòng rủi ro tài chính	-	1.172.310.177	(1.172.310.177)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(850.000.000)	(850.000.000)
Cổ tức phải trả năm 2016	-	-	(5.768.000.000)	(5.768.000.000)
Số cuối năm	82.400.000.000	1.172.310.177	8.052.894.193	91.625.204.370
Năm nay				
Số đầu năm	82.400.000.000	1.172.310.177	8.052.894.193	91.625.204.370
Lãi trong năm nay	-	-	9.009.587.697	9.009.587.697
Trích quỹ dự phòng rủi ro tài chính	-	3.108.894.193	(3.108.894.193)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Cổ tức phải trả năm 2017	-	-	(4.944.000.000)	(4.944.000.000)
Số cuối năm	82.400.000.000	4.281.204.370	8.009.587.697	94.690.792.067

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn điều lệ tại ngày cuối năm (VND)	Sở hữu (%)	Vốn điều lệ tại ngày đầu năm (VND)	Sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc Tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	34.099.630.000	41,38%	34.099.630.000	41,38%
Ông Lữ Quốc Khánh	20.590.000.000	24,99%	20.590.000.000	24,99%
Ông Nguyễn Thanh Giao	15.735.940.000	19,10%	15.735.940.000	19,10%
Vốn của các cổ đông khác	11.974.430.000	14,53%	11.974.430.000	14,53%
TỔNG CỘNG	82.400.000.000	100,00%	82.400.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

20.3 Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20.4 Cổ tức

Thực hiện Nghị quyết 081/VIR ngày 30/05/2018 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Công ty tiến hành chi trả cổ tức của năm 2017 với mức chi cho mỗi cổ phiếu là 600 VND. Tổng số cổ tức của năm 2017 phải chi là 4.944.000.000 VND. Trong năm, Công ty đã chi số tiền là 4.946.328.640 VND.

20.5 Quỹ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.281.204.370	1.172.310.177
TỔNG CỘNG	<u>4.281.204.370</u>	<u>1.172.310.177</u>

Quỹ này được trích lập nhằm dự phòng rủi ro tài chính.

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	61.112.964.938	61.965.050.080
<i>Trong đó</i>		
- Doanh thu bán hàng trong nước	15.121.190.202	15.465.854.314
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.991.774.736	46.499.195.766
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	<u>61.112.964.938</u>	<u>61.965.050.080</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu đối với các bên liên quan	534.532.894	360.374.297

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.772.068.945	1.340.399.276
TỔNG CỘNG	<u>1.772.068.945</u>	<u>1.340.399.276</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

22. GIÁ VỐN

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn bán hàng	10.351.069.187	10.756.224.766
Giá vốn dịch vụ cung cấp	29.810.701.972	29.165.611.794
TỔNG CỘNG	40.161.771.159	39.921.836.560

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên quản lý	2.921.487.514	3.447.225.101
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.720.154	25.696.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	23.457.609
Các chi phí khác	8.610.320.715	8.780.903.057
TỔNG CỘNG	11.562.528.383	12.277.282.667

24. THU NHẬP, CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác:		
- Thu thanh lý vật tư, đồ dùng dụng cụ	8.454.545	24.371.820
- Thu thanh lý tài sản cố định (xe)	134.545.455	-
- Các khoản thu nhập khác	35.720.502	77.141.020
TỔNG CỘNG	178.720.502	101.512.840
Chi phí khác:		
- Các khoản chi phí khác	14.500	100.000
TỔNG CỘNG	14.500	100.000

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.697.767.376	9.922.418.578
Chi phí nhân công	15.619.137.555	15.965.444.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.135.984.343	4.128.551.465
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.833.196.962	3.779.920.256
Chi phí khác bằng tiền	16.784.911.495	17.543.281.658
TỔNG CỘNG	51.070.997.731	51.339.616.139

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
a) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.339.440.343	11.207.742.969
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
b) Các khoản điều chỉnh tăng	309.822.888	316.500.911
+ Chi phụ cấp cho thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	189.600.000	163.200.000
+ Chi phí không được trừ khác	120.222.888	153.300.911
c) Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
d) Lợi tức chịu thuế ước tính trong năm (a+b)	11.649.263.231	11.524.243.880
- Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (20%)	2.329.852.646	2.304.848.776
- Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác mức thuế suất 20%	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm trong kỳ tính thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
e) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.329.852.646	2.304.848.776

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.009.587.697	8.902.894.193
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.009.587.697	8.902.894.193
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.000.000.000	850.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.240.000	8.240.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	972	977

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.240.000	8.240.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.240.000	8.240.000

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Bên liên quan của Công ty bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Cổ đông lớn - sở hữu 41,38% vốn điều lệ
Ông Lữ Quốc Khánh	Cổ đông lớn - sở hữu 24,99% vốn điều lệ
Ông Nguyễn Thanh Giao	Cổ đông lớn - sở hữu 19,10% vốn điều lệ
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu			
	Cung cấp dịch vụ	587.986.183	396.411.727
	Thu tiền cung cấp dịch vụ	587.986.183	396.411.727
	Nhận dịch vụ cung cấp	874.160.000	215.400.000
	Thanh toán tiền dịch vụ	874.160.000	215.400.000
	Chuyển tiền hỗ trợ vốn	6.700.000.000	9.240.000.000
	Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	8.600.000.000	7.340.000.000
	Cổ tức phải trả năm 2016	-	4.951.489.900
	Thanh toán cổ tức năm 2016		4.951.489.900
	Cổ tức phải trả năm 2017	2.045.977.800	
	Thanh toán cổ tức năm 2017	2.045.977.800	-
Ông Lữ Quốc Khánh			
	Cổ tức phải trả năm 2017	1.235.400.000	-
	Thanh toán cổ tức năm 2017	1.235.400.000	-
Ông Nguyễn Thanh Giao			
	Cổ tức phải trả năm 2017	944.156.400	
	Thanh toán cổ tức năm 2017	944.156.400	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác (thuyết minh số 8)			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Phải thu về tiền hỗ trợ vốn	-	1.900.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
Thù lao	273.600.000	247.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	517.561.953	509.658.233

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

29. NỢ TIỀM TÀNG

Thực hiện kết luận của Thanh tra Tỉnh tại Kết luận thanh tra về việc thanh tra việc quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở hạ tầng và chấp hành quy hoạch xây dựng tại Bãi tắm Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu số 261/KL-TTr ngày 17 tháng 9 năm 2018, ngày 05 tháng 10 năm 2018, Thanh tra Tỉnh đã ban hành Quyết định số 175/QĐ-TTr và Quyết định số 180/QĐ-TTr về việc thu hồi tiền nộp vào ngân sách nhà nước, theo đó Công ty bị thu hồi tiền thuê đất còn phải nộp từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2017 là 34.490.774.319 đồng và thu hồi tiền thuê các hạng mục hạ tầng kỹ thuật tại Bãi tắm Thùy Vân do ngân sách Tỉnh đầu tư mà Công ty đang sử dụng là 3.979.010.000 đồng. Công ty không đồng ý với việc thu hồi tiền thuê đất và tiền thuê các hạng mục hạ tầng kỹ thuật tại Bãi tắm Thùy Vân do ngân sách Tỉnh đầu tư mà Công ty đang sử dụng và đang trong quá trình kiến nghị, làm việc với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xem xét lại việc thu hồi hai khoản tiền này. Tại thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các Văn bản phản hồi của Cơ quan có thẩm quyền liên quan của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Như được trình bày tại thuyết minh số 15, cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa được Cơ quan có thẩm quyền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký hợp đồng cho thuê hạ tầng hoặc cho thuê đất tại khu vực Bãi Thùy Vân. Vì vậy, chưa thống nhất nội dung liên quan đến thời điểm, đơn giá và diện tích tính tiền thuê đất của Khu vực Bãi tắm, nên chưa chắc chắn về số tiền thuê đất (hoặc thuê hạ tầng) bị truy thu.

Ngoài khoản dự phòng đã trích lập (thuyết minh 18), Báo cáo tài chính của Công ty chưa có bất kỳ khoản dự phòng bổ sung nào khác được lập liên quan đến việc Công ty sẽ phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về số tiền thuê đất (hoặc thuê hạ tầng) bị truy thu (nếu phải thực hiện) trong tương lai.

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Số đầu năm				
Phải trả người bán	1.591.116.944	-	-	1.591.116.944
Các khoản phải trả khác	316.249.288	260.000.000	-	576.249.288
Cộng	1.907.366.232	260.000.000	-	2.167.366.232
Số cuối năm				
Phải trả người bán	2.706.865.882	-	-	2.706.865.882
Các khoản phải trả khác	286.478.408	260.000.000	-	546.478.408
Cộng	2.993.344.290	260.000.000	-	3.253.344.290

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngắn hạn	31.377.520.835	21.750.000.000	31.377.520.835	21.750.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.609.072.067	4.239.322.653	3.609.072.067	4.239.322.653
Phải thu khách hàng	780.812.389	511.995.116	780.812.389	511.995.116
Phải thu khác	1.221.022.490	3.000.006.952	1.221.022.490	3.000.006.952
Cộng	36.988.427.781	29.501.324.721	36.988.427.781	29.501.324.721

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	2.706.865.882	1.591.116.944	2.706.865.882	1.591.116.944
Các khoản phải trả khác	286.478.408	316.249.288	286.478.408	316.249.288
Cộng	2.993.344.290	1.907.366.232	2.993.344.290	1.907.366.232


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính.


- Giá trị hợp lý của tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khác được Công ty đánh giá dựa vào khả năng trả nợ của từng đối tượng phải thu. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.


Lê Thị Hồng Nga
Kế toán trưởng
(Người lập)


Ngô Thị Bích Hoàng
Phó Giám đốc


Nguyễn Tuấn Anh
Chủ tịch Hội đồng quản trị

